

Họ “Thích” và vấn đề định danh Tu sĩ Phật giáo?

ISSN: 2734-9195 08:25 09/04/2026

Cần có sự nghiên cứu, đánh giá và định hướng phù hợp từ phía Giáo hội cũng như giới học thuật, nhằm vừa bảo tồn giá trị truyền thống, vừa thích ứng với bối cảnh mới, góp phần bảo vệ uy tín và hình ảnh của Phật giáo trong đời sống đương đại.

Tóm tắt

Sau khi **đức Phật Thích Ca Mâu Ni** thành đạo dưới cội Bồ-đề, Tăng-già (Sangha) dưới sự lãnh đạo của Ngài từng bước lớn mạnh, phát triển sâu rộng và trở thành một trong những tôn giáo có ảnh hưởng lớn trong xã hội Ấn Độ cổ đại.

Giáo lý của đức Phật không chỉ tạo ra một cuộc cách mạng về tư tưởng, triết học, tôn giáo mà còn làm thay đổi niềm tin của bốn giai cấp vào một học thuyết mới trong bối cảnh xã hội đa tín ngưỡng.

Các đệ tử của Ngài thời kỳ đầu không lấy chữ “Thích” làm họ, đến thời Đông Tấn (Trung Quốc), ngài Đạo An (312-385) đã đề xướng việc sử dụng chữ “Thích” làm họ chung cho người xuất gia.

Trong bối cảnh không gian mạng phát triển mạnh mẽ, phức tạp và khó kiểm soát, việc sử dụng họ “Thích” cũng đang phát sinh những hệ lụy, thậm chí bị lợi dụng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh tu sĩ và Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Bài viết cung cấp thông tin về lịch sử họ Thích (1) “Thích” - họ chung của tu sĩ và phật tử; (2) những vấn đề hiểu nhầm về khái niệm người tu, họ thích trong công chúng; (3) cách thức sử dụng tên họ cho người tu theo Phật giáo trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Họ Thích, tu sĩ, phật tử, người xuất gia,



(Ảnh: Internet)

“Thích” - họ của tu sĩ và phật tử?

Trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ thời kỳ đầu, các đệ tử xuất gia của đức Phật không sử dụng một họ chung mang tính quy ước như khái niệm họ “Thích”. Việc định danh chủ yếu dựa trên pháp danh, địa danh, hoặc các đặc điểm cá nhân.

Đến thời Đông Tấn, tại Trung Quốc, ngài Đạo An là người đầu tiên đề xướng việc lấy chữ “Thích” (𣎵) - viết tắt của “Thích Ca” (Śākya), Ngài lập luận rằng, khi đã từ bỏ gia đình, dòng tộc thế tục để xuất gia, thì mọi người đều bình đẳng trong Tăng đoàn và cùng quy hướng về đức Phật, do đó cần có một danh xưng chung thể hiện sự quy thuộc ấy:

“Chúng ta đã rời bỏ gia đình, lìa bỏ thân thuộc, cùng tu học một đạo, tất cả đều bình đẳng, không nên còn phân biệt họ tên thế tục; vì vậy phải lấy danh hiệu của đức Phật làm họ chung cho chính mình” (1).

Quan điểm này hàm chứa ý nghĩa tư tưởng sâu sắc, xóa bỏ sự phân biệt giai cấp, dòng tộc, địa vị xuất thân, nhằm khẳng định tính bình đẳng trong đời sống xuất gia.



(Ảnh: Internet)

Một số học giả cho rằng tư tưởng của ngài Đạo An có cơ sở từ kinh điển. Trong Tăng nhất A-hàm, **đức Phật** dạy:

“Nhu bốn con sông lớn: Hằng Hà, Diêm Ma, A-tư, Ma-ha... sau khi chảy vào biển rồi thì không còn tên gọi cũ nữa, chỉ gọi chung là biển. Cũng vậy, bốn giai cấp: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la... sau khi xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, thì không còn tên họ cũ, chỉ gọi là Sa-môn đệ tử Thích Ca” (2).

Và tiếp đó:

“Nếu muốn nói đến con của Như Lai, thì phải gọi là Sa-môn con nhà họ Thích” (3).

Trong Tăng chi bộ kinh (Anguttara Nikāya), đức Phật cũng khẳng định:

“Có bốn giai cấp... sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật này, họ từ bỏ tên và họ trước kia, và được gọi là Sa-môn Thích tử”

(4).

Như vậy, việc sử dụng họ “Thích” tuy không xuất hiện như một quy định trong thời Phật, nhưng tinh thần “từ bỏ dòng họ thế tục, trở thành con của Như Lai” đã được xác lập rõ ràng trong kinh điển?

Tại Việt Nam thì sao? ngày nay, hầu hết Tăng Ni Việt Nam đều mang họ “Thích”, như một dấu hiệu nhận diện vừa mang tính tôn giáo, vừa mang tính truyền thống. Nhưng nguồn gốc và cách thức sử dụng thuật ngữ họ “Thích” lại rất tình cờ.

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam mãi đến năm 1943 chưa thấy ghi nhận có ai xuất gia theo Phật mà lấy họ “Thích”, trong sử sách, danh hiệu các vị Thiền sư, ví dụ như Ngài Cảm Thành, Ngài Khuông Việt, Ngài Viên Chiếu... và cả Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông cũng không có ai mang họ Thích.

Năm 1943, Thích Mật Thể trong tác phẩm *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* ấn hành vào năm 1943 đã ký tên là Thích Mật Thể và sau đó từ miền Bắc cho đến miền Nam và miền Trung đã có phong trào lấy họ Thích đối với Tăng chúng Việt Nam.

Sự kiện lịch sử: Năm 1943 được xem là mốc bắt đầu phong trào lấy họ Thích đối với Tăng chúng Việt Nam.

+ Người khởi xướng: Hòa thượng Mật Thể là người đầu tiên ghi họ Thích trong sách *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*.

+ Ý nghĩa: Chữ “Thích” (釋) là từ chỉ Phật giáo, được dùng làm tộc danh cho người xuất gia, lấy từ tên dòng họ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trước năm 1943, tăng sĩ Việt Nam thường dùng họ thế tục hoặc họ của sư phụ. Hành động này thể hiện sự thống nhất và củng cố bản sắc của Tăng đoàn Việt Nam.

Những sự hiểu lầm

Trong bối cảnh công nghệ thông tin và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, việc sử dụng họ “Thích” không còn chỉ giới hạn trong phạm vi Tăng đoàn mà đã xuất hiện nhiều hiện tượng đáng lưu ý.



Hình minh họa tạo bởi AI

Thứ nhất, hiệu ứng lan tỏa nhanh chóng của mạng xã hội khiến bất kỳ cá nhân nào sử dụng danh xưng có chữ “Thích” đều dễ dàng được hiểu nhầm là tu sĩ Phật giáo, dẫn đến sự nhầm lẫn trong nhận thức của quần chúng.

Thứ hai, một số đối tượng đã lợi dụng danh xưng này để tạo dựng uy tín giả, phục vụ các mục đích cá nhân như kêu gọi từ thiện không minh bạch, truyền bá thông tin sai lệch, hoặc phát ngôn gây tranh cãi. Những hành vi này không chỉ gây tổn hại đến niềm tin của Phật tử mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của Tăng đoàn và Giáo hội.

Thứ ba, trong môi trường số, việc xác thực danh tính tu sĩ gặp nhiều khó khăn, có thể gây hiểu nhầm trong việc định danh cá nhân, mở số tài khoản, đứng tên sổ đỏ, xe máy - ô tô vv..., người dùng mạng không có đủ thông tin để phân biệt đâu là tu sĩ, đâu là người giả danh.

Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Giáo hội và các cơ quan chức năng trong việc quản lý, định danh và cần có những quy ước chính thức về việc đặt tên, pháp danh của tu sĩ?



Hình minh họa tạo bởi AI

Theo Tam Tổ thực lục, sau khi nhường ngôi, vua Trần Nhân Tông lên núi Yên Tử tu hành, lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà, lập am Chi Đê và giảng pháp độ Tăng (5). Trong các ghi chép, Ngài không sử dụng họ “Thích” mà được gọi bằng pháp hiệu và tôn hiệu.

Tương tự, trong Thiền Uyển Tập Anh, các Thiền sư thời Lý - Trần như Vạn Hạnh, Không Lộ, Giác Hải... đều không mang họ “Thích”, mà chủ yếu được biết đến qua pháp danh, pháp hiệu hoặc tên gọi gắn với hành trạng tu tập. Tác phẩm này cũng ghi nhận việc tôn xưng sau khi viên tịch, như trường hợp Tổ Huyền Quang (6).

Ở các quốc gia **Phật giáo** Nam truyền như Sri Lanka, Thái Lan, Myanmar..., tăng sĩ cũng không sử dụng họ “Thích”, mà dùng pháp danh riêng biệt.

Từ thực tiễn nêu trên, trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu, xem xét đa dạng hóa cách thức định danh, chẳng hạn như nhấn mạnh pháp danh, pháp hiệu, hoặc kết hợp các hình thức nhận diện chính thức của Giáo hội có thể là một hướng đi cần được cân nhắc, nhằm hạn chế những hệ lụy phát sinh, đồng thời vẫn giữ được tinh thần cốt lõi của các truyền thống tu học.

Tác giả: **Thượng tọa Thích Lệ Quang***

Tài liệu tham khảo:

- 1] Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Thiền Uyển Tập Anh*, Nxb. TP.HCM, 1999.
- 2] Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, 3 tập, NXB. Văn học, Hà Nội, 2000.

3] Thích Đức Thắng (dịch), *kinh Tăng nhất A hàm*, tập 2, Nxb. Phương Đông, 2011.

4] Thích Minh Châu (dịch), *kinh Tăng chi bộ*, tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2016.

5] Thích Phước Sơn (dịch và chú), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995.

6] Zenryu Tsukamoto. Leon Hurvitz (dịch). *A History of early Chinese Buddhism*, tập 2, Tokyo, 1985.

Chú thích:

* TS, Triết học.

[1]. Zenryu Tsukamoto. Leon Hurvitz (dịch). *A HISTORY OF EARLY CHINESE BUDDHISM*, tập 2, Tokyo, 1985, tr. 722.

[2]. Thích Đức Thắng (dịch), *kinh Tăng nhất A hàm*, tập 2, Nxb. Phương Đông, 2011, tr. 160.

[3]. Thích Đức Thắng (dịch), *kinh Tăng nhất A hàm*, tập 2, Nxb. Phương Đông, 2011, tr. 161.

[4]. Thích Minh Châu (dịch), *kinh Tăng Chi bộ*, tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2016, tr. 328.

[5]. Thích Phước Sơn (dịch và chú), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr. 19.

[6]. Thích Phước Sơn (dịch và chú), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr. 89.